

Số: 2571/GPMT-UBND

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 9 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Kho lạnh Biển Sáng tại Văn bản số 02-2022/GPMT.BS ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy chế biến nông, thủy sản và kho lạnh Biển Sáng” tại lô I10 – I11 – I12 Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 318/TTr-STNMT-CCBVM ngày 24 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Kho lạnh Biển Sáng, địa chỉ tại lô I10 – I11 – I12 Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy chế biến nông, thủy sản và kho lạnh Biển Sáng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: Nhà máy chế biến nông, thủy sản và kho lạnh Biển Sáng.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại lô I10 – I11 – I12 Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Mã số doanh nghiệp: 4201752409, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 27 tháng 01 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 4200754114.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến, bảo quản các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và kho lạnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư: công suất dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong cấp Mã số dự án: 6660136646, chứng nhận lần đầu ngày 05 tháng 9 năm 2017 cụ thể như sau:

- Kho lạnh:

+ Giai đoạn 1: 4.000 tấn /năm.

+ Giai đoạn 2: 8.000 tấn /năm.

- Chế biến nông, thủy sản:

+ Thủy sản chế biến, đông lạnh các loại: 500 - 800 tấn sản phẩm/năm.

+ Nông, lâm, sản chế biến, đông lạnh khô các loại: 1.000 - 1.500 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Kho lạnh Biển Sáng được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Kho lạnh Biển Sáng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, UBND huyện Cam Lâm nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

Quyết định số 05/QĐ-KKT ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

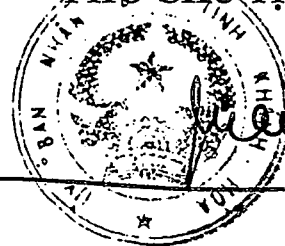
Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận (VBĐT):

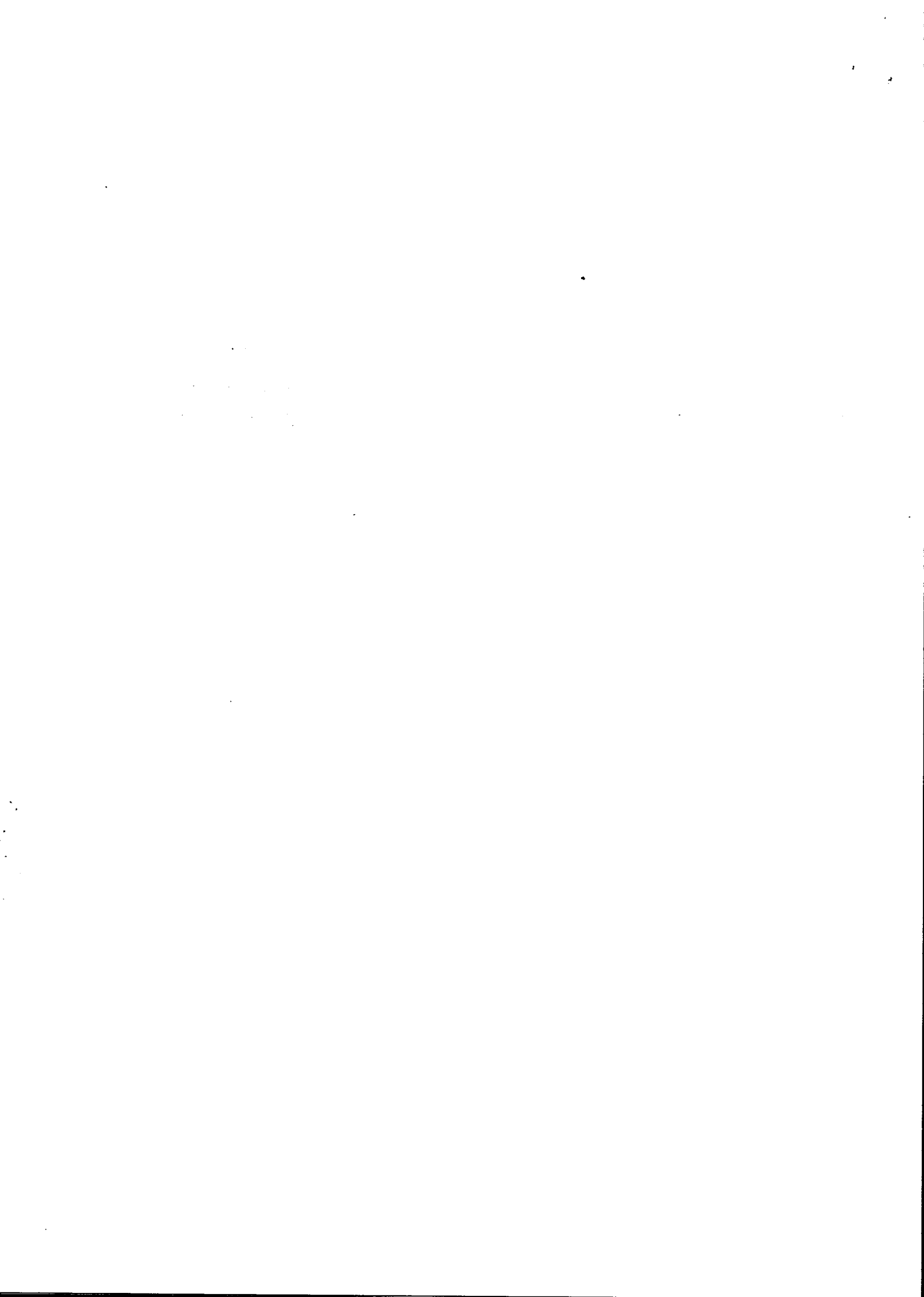
- Công ty Cổ phần Kho lạnh Biển Sáng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL KKT Vân Phong;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND xã Suối Tân;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP +T.L.

7

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2531./GPMT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh phục vụ cho cán bộ công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Suối Dầu (hố ga T91 trên đường số 9).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°): X (m): 1.343.345; Y: 589.377

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24h/ngày đêm).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn đầu nối theo hợp đồng dịch vụ thoát nước thải với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Suối Dầu, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5 – 9	Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.
2	COD	mg/L	600	
3	Tổng N	mg/L	80	
4	Tổng P	mg/L	20	
5	Coliform	MPN/100mL	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 2 khu nhà vệ sinh của của cán bộ nhân viên nhà máy được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải sau khi lắng tại bể tự hoại sẽ được dẫn qua hệ thống thoát nước bằng ống PVC có đường kính D90 đến hố thu tập trung với nước thải sản xuất (gồm nước thải vệ sinh nhà xưởng, nước ngưng tụ từ kho lạnh); sau đó, nước thải tiếp tục được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy có công suất thiết kế là 150 m³/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nổi Khu công nghiệp Suối Dầu trước khi đầu nổi vào hệ thống thoát nước thải tập trung của Khu công nghiệp Suối Dầu tại hố ga T91 trên đường số 9. Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được thu gom về bể chứa bùn, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Lưới lọc rác → Bể tách dầu mỡ - Bể thu gom → Bể điều hoà → Cụm keo tụ - Tạo bông → Bể lắng 1 → Bể Anoxic → Bể Aerotank 1 → Bể Aerotank 2 → Bể lắng 2 → Bể chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Hố ga đầu nổi với hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Suối Dầu.

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC (25kg/tháng), Nước Javen (30lít/tháng).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian, vận hành thử nghiệm: 03 tháng (bắt đầu từ tháng 8/2022 và kết thúc vào tháng 11/2022).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại phần A Phụ lục này): tại hố ga đầu nổi với hệ thống thu gom nước thải tập trung của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Suối Dầu (hố ga T91 trên đường số 9).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này):

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5 – 9
2	COD	mg/L	600
3	Tổng N	mg/L	80

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
4	Tổng P	mg/L	20
5	Coliform	MPN/100mL	5.000

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm với tần suất 15 ngày/01 lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh với tần suất 01 ngày/01 lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý (UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong) trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.

Phụ lục 2**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh: Giẻ lau dính thành phần nguy hại (18 02 02), Giẻ lau dính dầu nhớt thải (18 02 01), Bóng đèn huỳnh quang thải (16 01 06), Dầu động cơ, hộp số và dầu bôi trơn tổng hợp thải (17 02 03), bao bì chứa hoá chất (18 01 01). Khối lượng phát sinh 1.400 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Phế phẩm thủy sản, phế phẩm nông sản, phế liệu từ công đoạn dò kim loại, bao bì PE, thùng xốp. Khối lượng phát sinh khoảng 2.800 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 40 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 25m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Có mái che, có thùng chứa từng loại chất thải nguy hại riêng biệt, có dán nhãn, có biển cảnh báo, có các thiết bị ứng phó sự cố, kết cấu đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Từng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường được lưu chứa trong thùng riêng biệt, có nắp đậy kín.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa:

+ Khu vực chứa phế phẩm thủy sản: 9m²

+ Khu vực chứa phế phẩm nông sản: 18 m²

+ Khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp có thể tái chế: 25 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Các thùng chứa rác lớn bằng nhựa cứng có nắp đậy đặt tại khu vực lưu chứa rác.

Chất thải rắn sản xuất sau khi lưu giữ phải hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa rác có nắp đậy riêng biệt tại các khu vực văn phòng làm việc và khu nhà phục vụ công nhân.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Các thùng chứa rác lớn bằng nhựa cứng có nắp đậy đặt tại khu vực lưu chứa rác.

Chất thải sinh hoạt sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG: Không.



